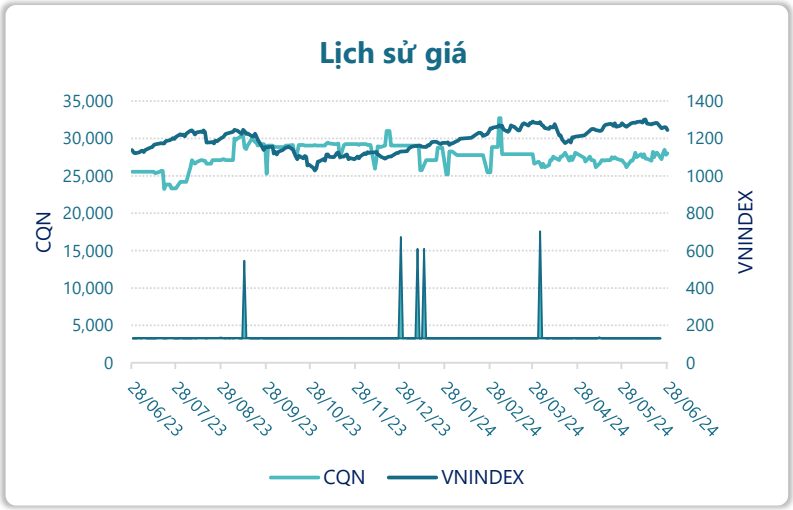
FireAnt

CTCP Cảng Quảng Ninh (UPCOM: CQN)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,233
SL cổ phiếu LH	75,049,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,745
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,101
P/E	17.6
EPS	1,594

DT thuần

Q2/24

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.4%

YoY: ▲ 61.0| 58.9%

LN sau thuế

Q2/24

42.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.8| 42.7%

YoY: ▲ 9.70| 29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

32.9%

+/- YoY: ▼ 7.4%

DT thuần

6T 2024

327

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.0| -9.0%

LN sau thuế

6T 2024

72.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.8| 61.6%

ROE

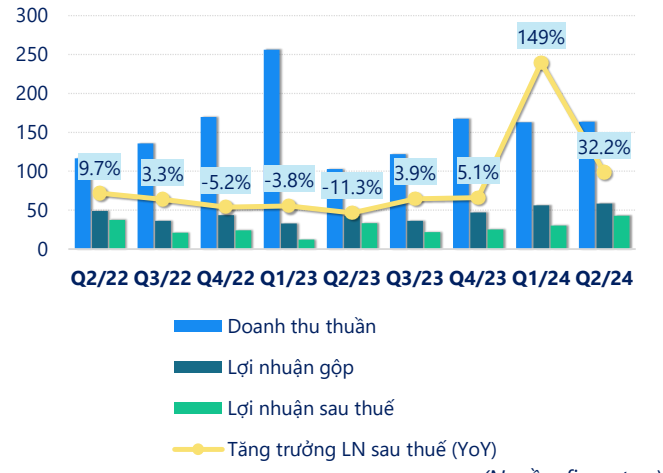
Q2/24

13.1%

+/- YoY: ▲ 3.0%

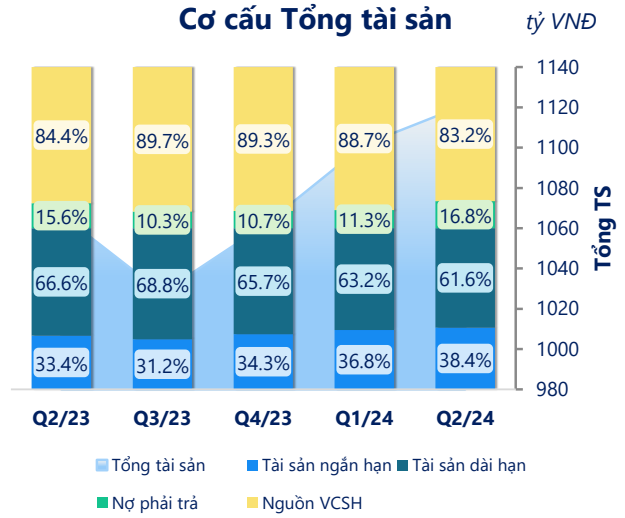
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



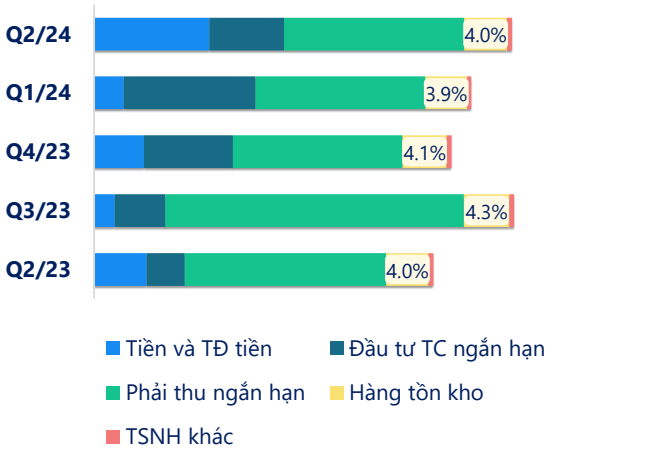
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



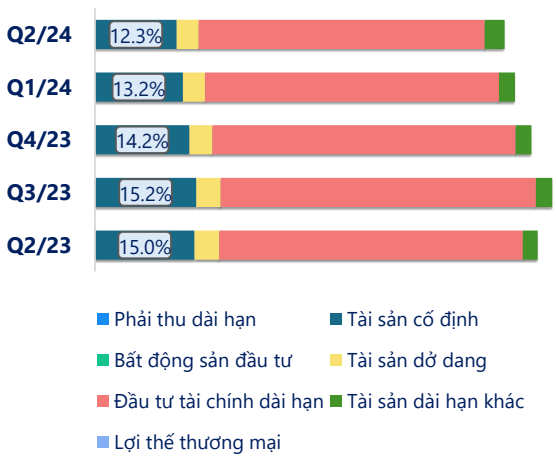
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



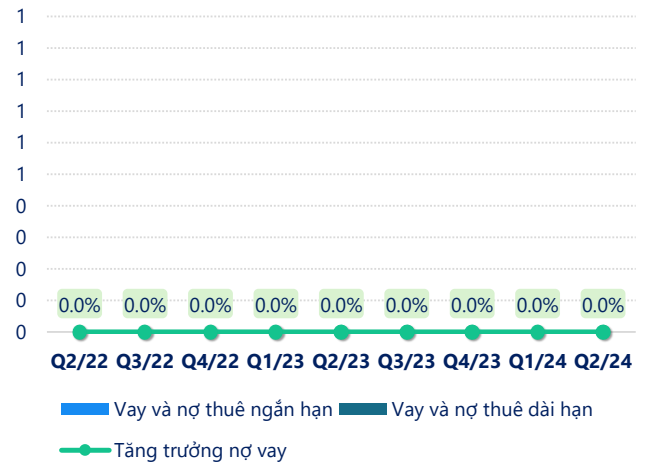
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



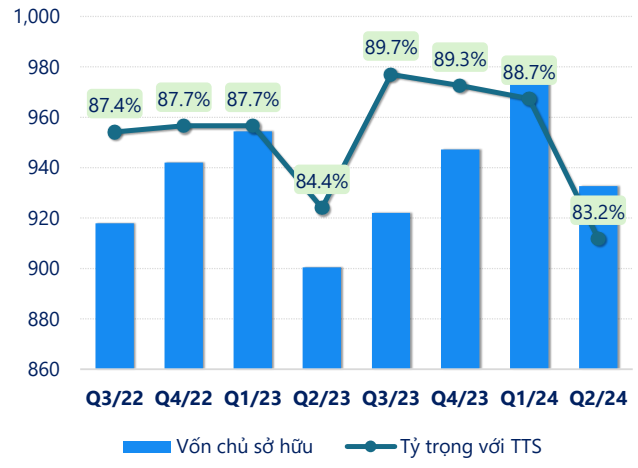
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



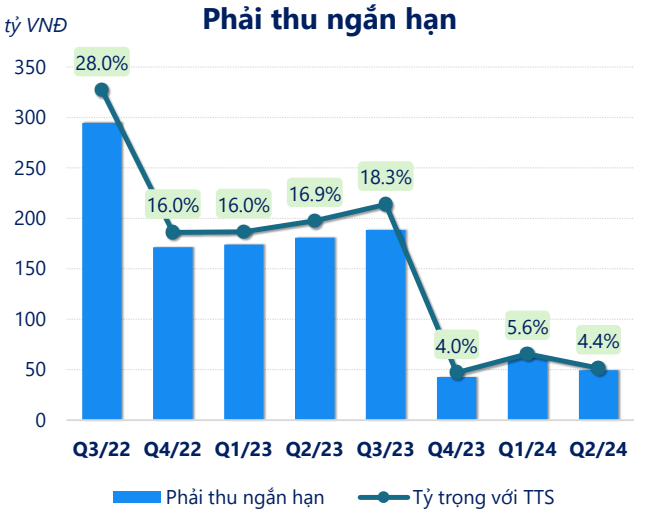
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



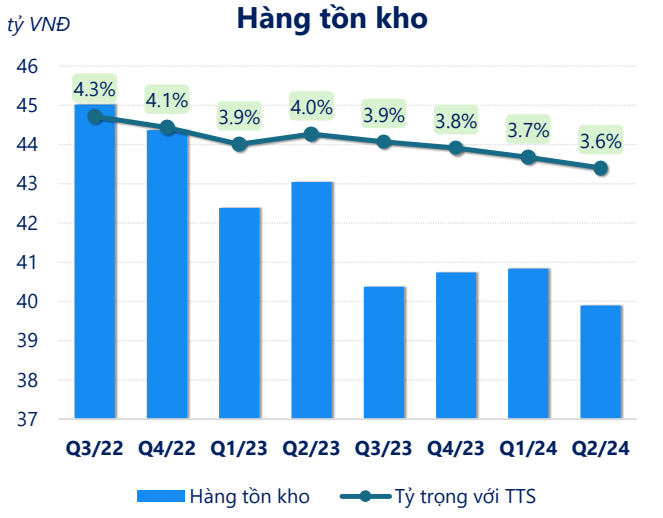
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



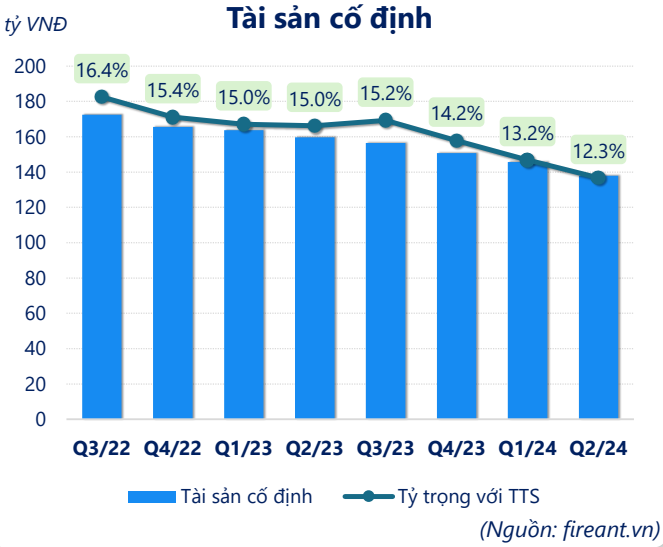
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



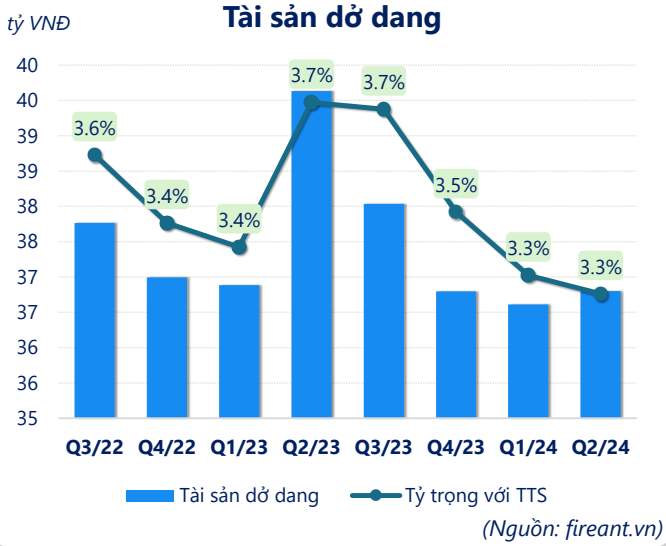
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



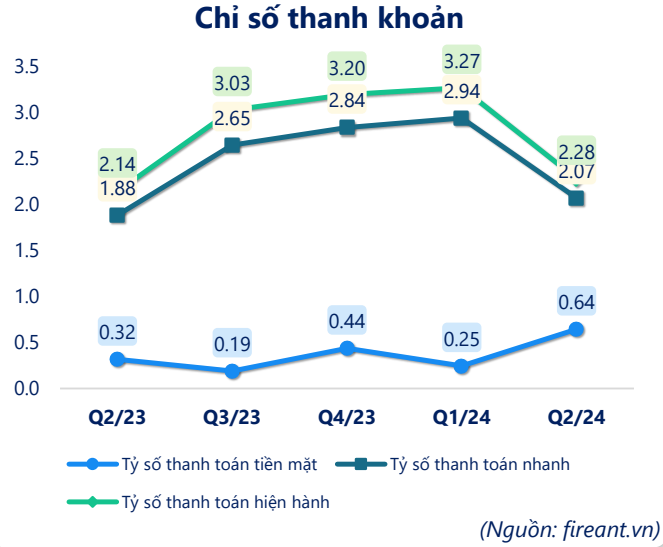
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



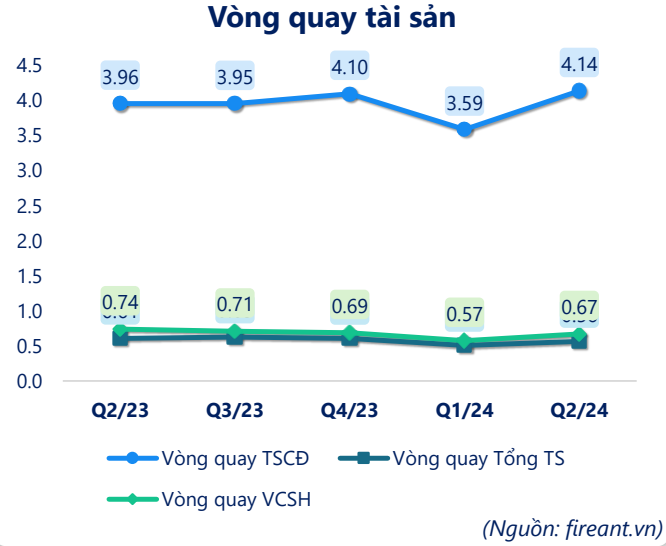
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,067**	**1,028**	**1,061**	**1,101**	**1,121**
Tài sản ngắn hạn	**356**	**321**	**364**	**405**	**430**
Tiền và tương đương tiền	52.6	20.1	49.8	30.7	121
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.0	68.0	224	269	216
Phải thu ngắn hạn	181	188	42.8	62.2	49.5
Hàng tồn kho	43.0	40.4	40.7	40.8	39.9
Tài sản ngắn hạn khác	4.96	3.85	6.90	2.73	3.28
Tài sản dài hạn	**710**	**707**	**697**	**696**	**691**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	160	157	151	146	138
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	39.6	38.0	36.8	36.6	36.8
Đầu tư tài chính dài hạn	487	487	484	487	482
Tài sản dài hạn khác	23.6	25.3	25.4	26.4	33.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**166**	**106**	**114**	**124**	**189**
Nợ ngắn hạn	**166**	**106**	**114**	**124**	**189**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	35.8	22.0	12.3	11.1	19.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**900**	**922**	**947**	**977**	**933**
Vốn chủ sở hữu	**900**	**922**	**947**	**977**	**933**
Vốn điều lệ	750	750	750	750	750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)